CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên

Ngày 30/09/2025	161,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.2%	**2.3%**	**-**

DT thuần
Q3/25
229
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 86.0| 60.4%
YoY: ▲ 178| 348%

LN thuần
Q3/25
144
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.0| 25.5%
YoY: ▲ 71.3| 98.5%

LN sau thuế
Q3/25
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.3| 26.0%
YoY: ▲ 61.8| 95.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
66.4%
YoY: +/-▼ 18.6%

ROE (TTM)
Q3/25
34.4%
YoY: +/-▲ 4.5%

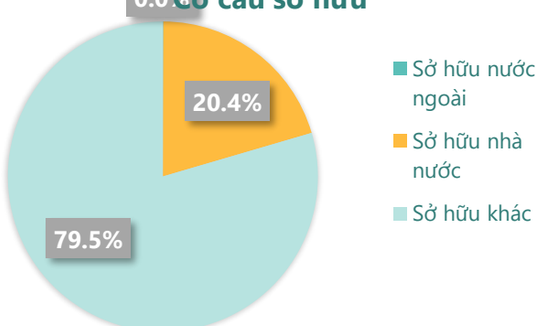
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	124,492 - 231,613
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,881
Số lượng CPLH (CP)	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,090
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.55
EPS	17,325
P/E	9.3

DT thuần
9T 2025
507
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 332| 190%

LN thuần
9T 2025
342
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 114| 50.1%

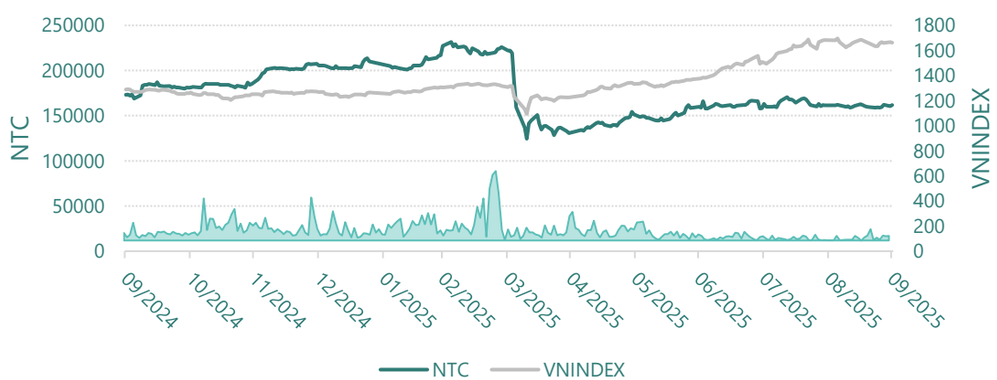
LN sau thuế
9T 2025
294
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 99.0| 50.8%

Cơ cấu sở hữu

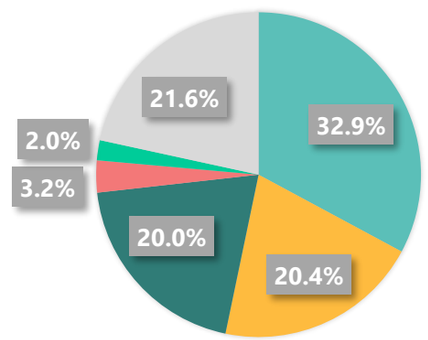


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

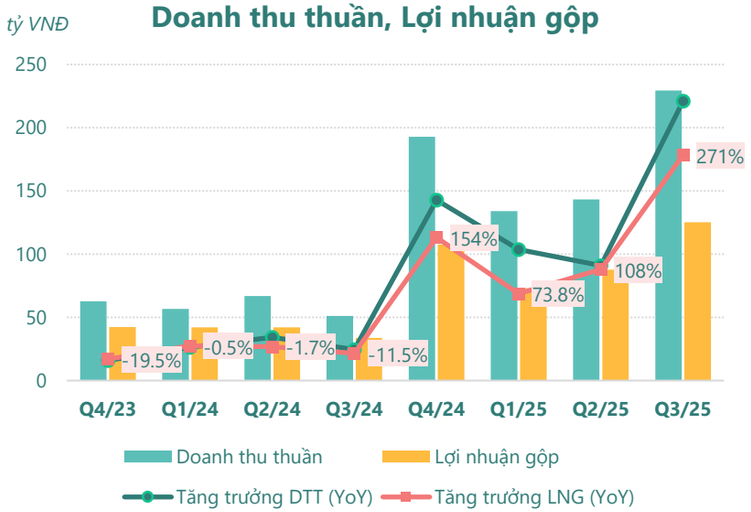


- CTCP Cao su Phước Hòa
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG
- Nguyễn Thị Thanh Thủy
- CTCP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

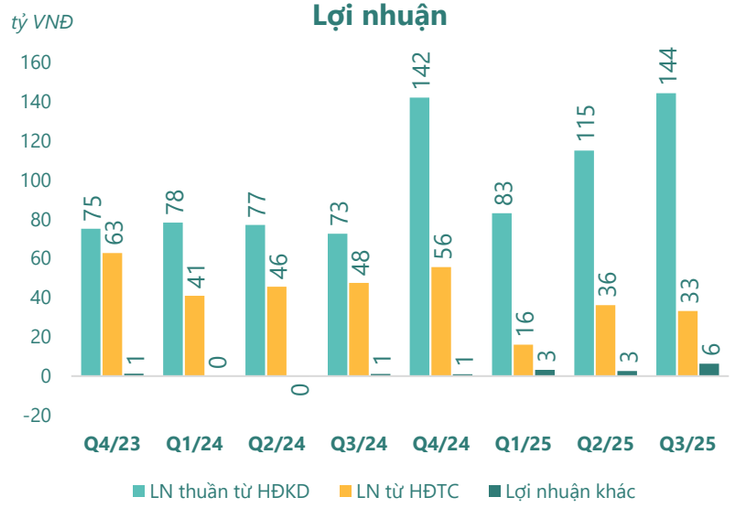
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



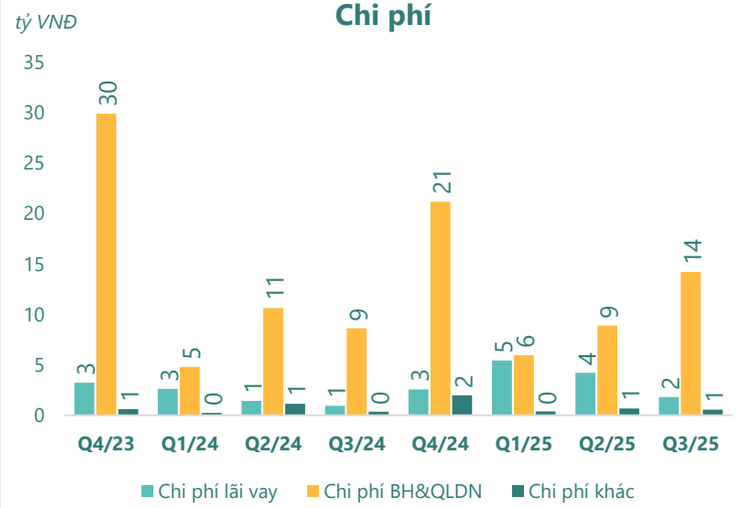
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



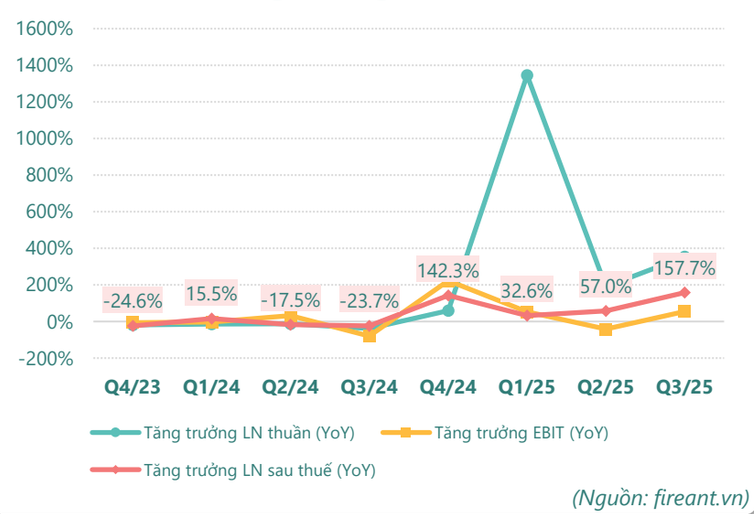
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



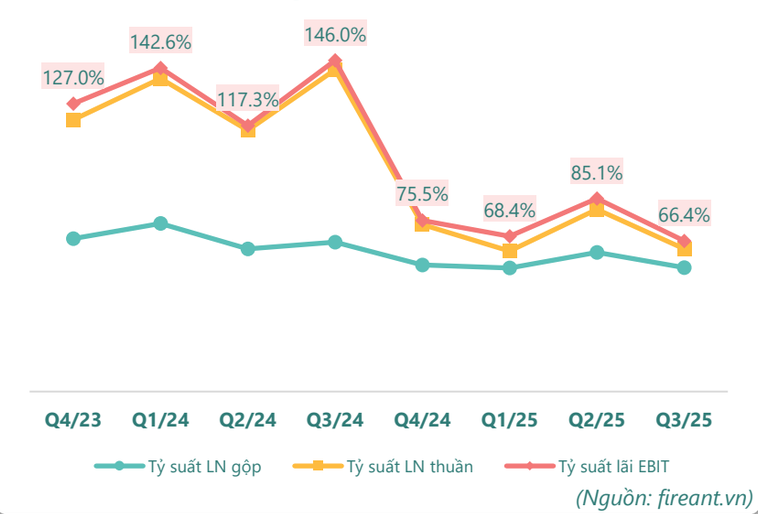
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



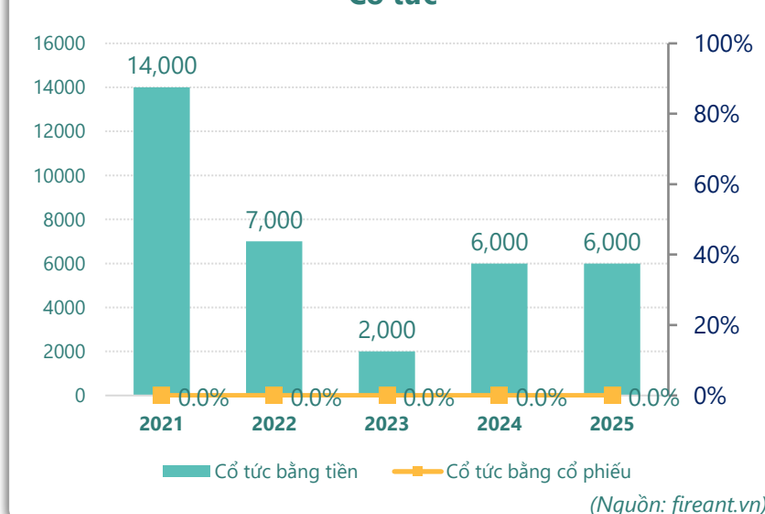
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

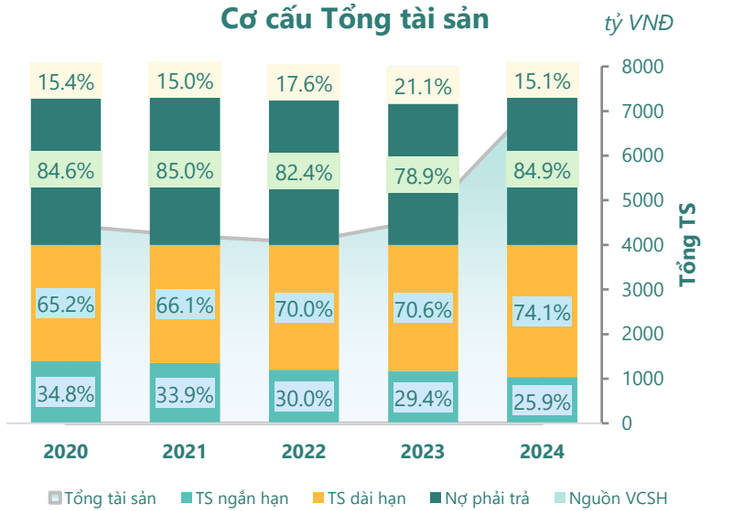
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

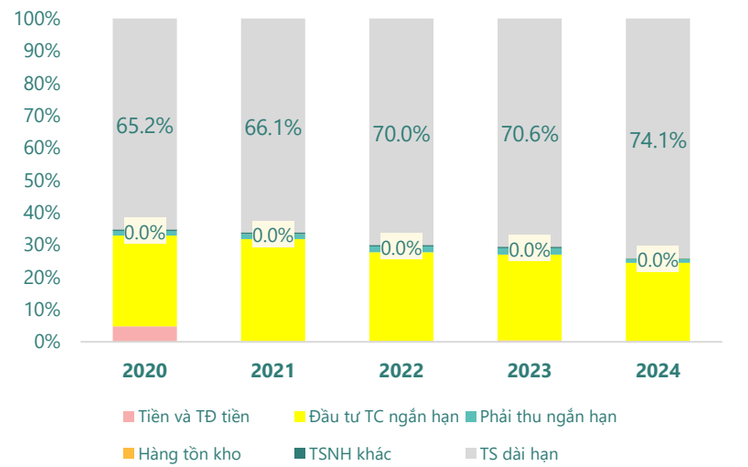
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



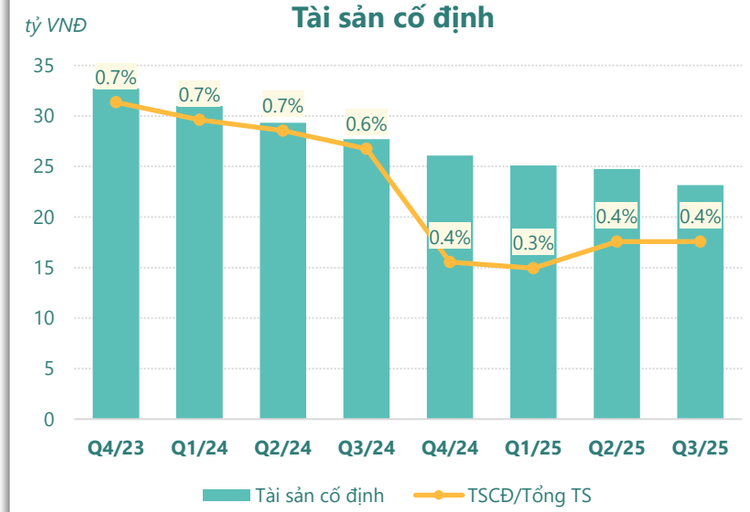
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



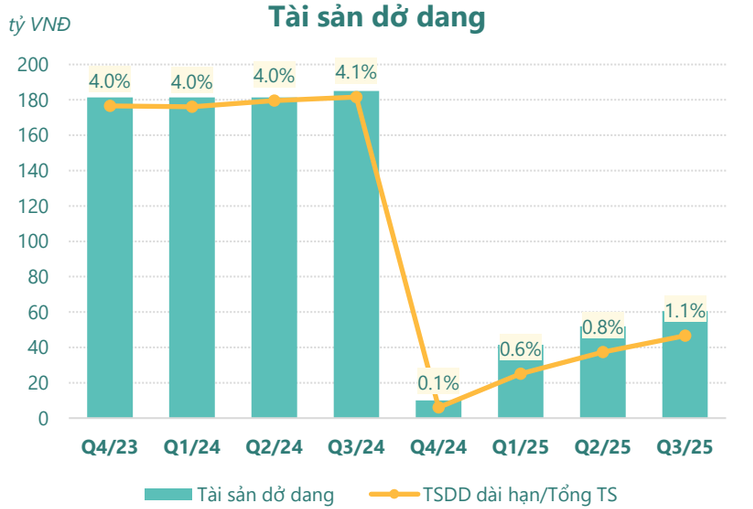
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



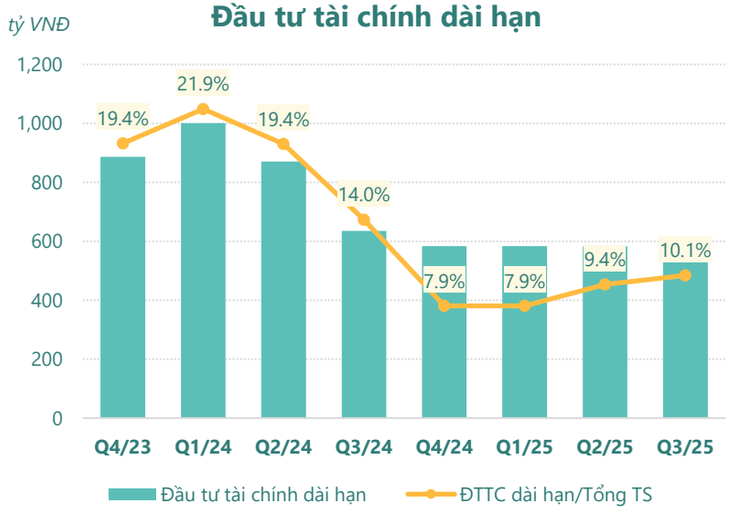
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



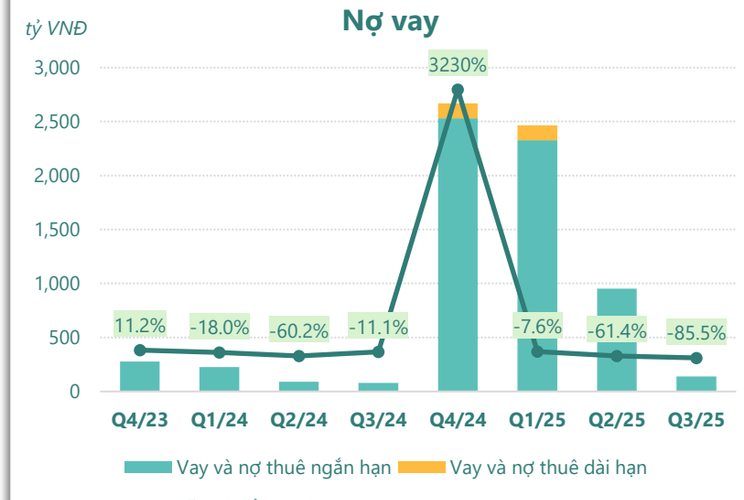
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

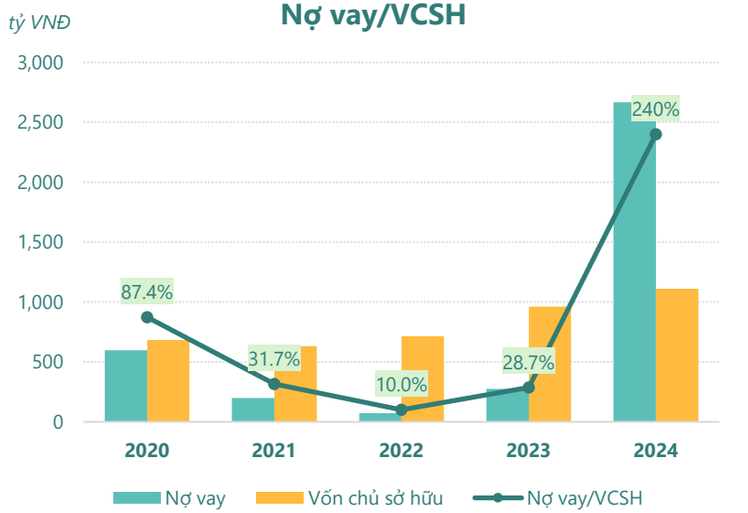
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

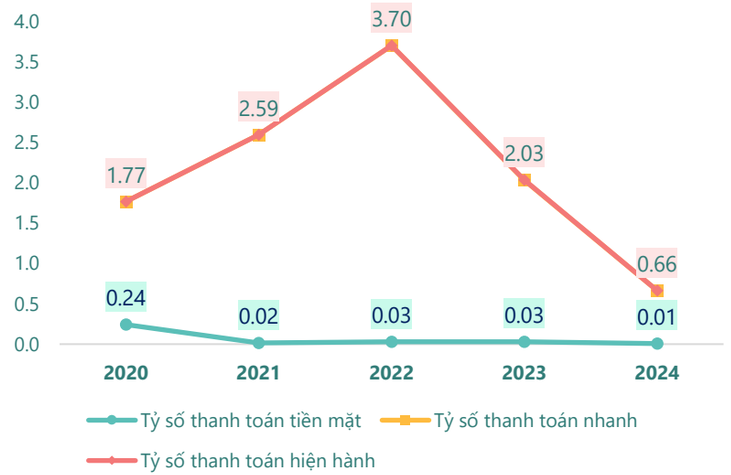
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



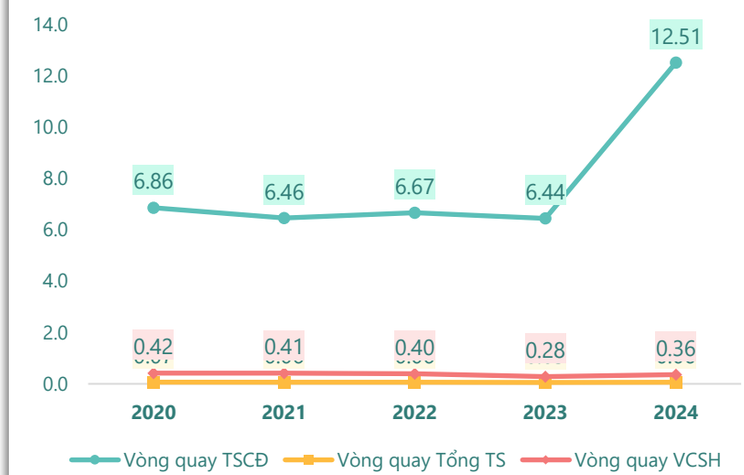
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



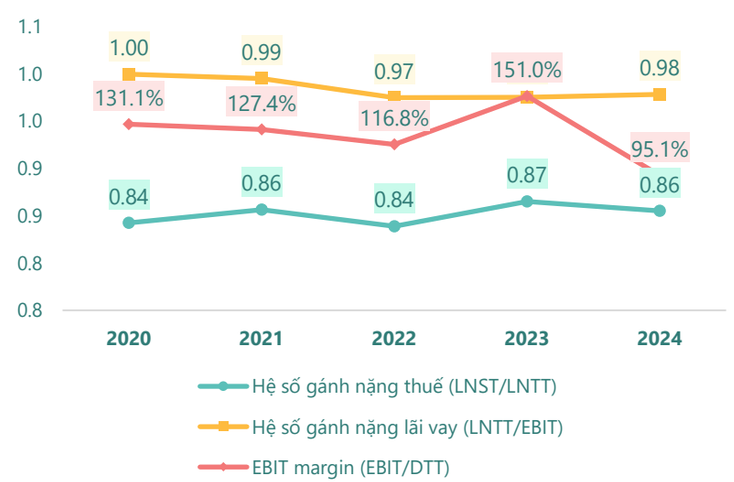
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



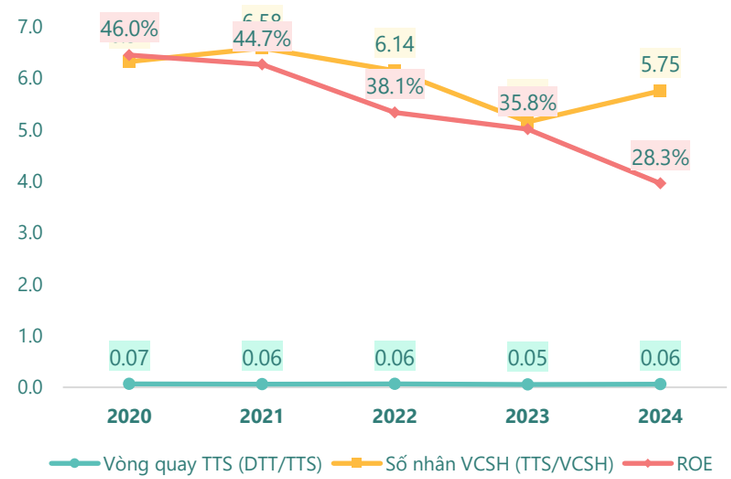
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



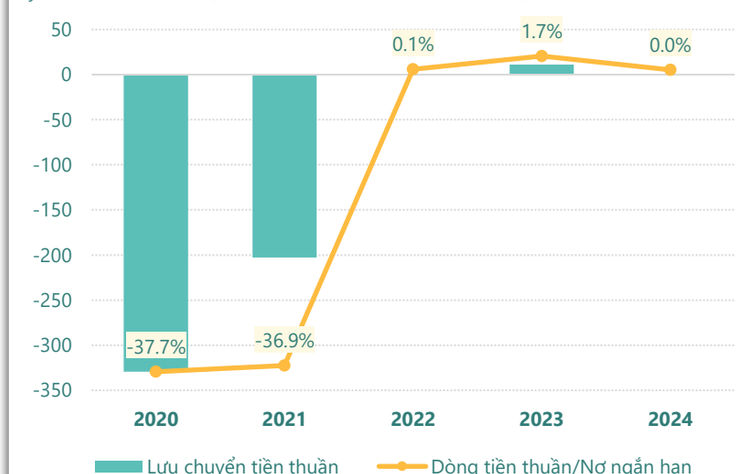
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**229**	**51.2**	**348%**	**507**	**175**	**190%**
Giá vốn hàng bán	104	17.5	495%	221	57.0	287%
Lợi nhuận gộp	125	33.8	271%	286	118	143%
Doanh thu HĐTC	37.2	48.6	-23.5%	102	139	-26.6%
Chi phí TC	4.01	1.03	289%	17.1	5.25	226%
Chi phí lãi vay	1.81	0.94	92.3%	11.5	4.99	130%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.77	0.70	10.3%	1.80	1.58	13.9%
Chi phí QLDN	**13.4**	**7.92**	**69.7%**	**27.3**	**22.5**	**21.3%**
LN thuần từ HĐKD	144	72.7	98.5%	342	228	50.1%
Lợi nhuận khác	**6.32**	**1.16**	**445%**	**12.1**	**1.13**	**977%**
LN trước thuế	151	73.9	104%	355	229	54.6%
Lợi nhuận sau thuế	**126**	**64.2**	**95.6%**	**294**	**195**	**50.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**126**	**64.2**	**95.6%**	**294**	**195**	**50.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.2	22.2	-2,321	179	243	542
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	92.7	-27.1	-111	241	1,061	424
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-136	-10.0	2,445	-203	-1,514	-955
Tiền đầu kỳ	52.6	21.4	6.52	20.2	238	27.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.2**	**-14.9**	**13.7**	**218**	**-210**	**11.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	21.4	6.52	20.2	238	27.5	38.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,767**	**7,357**	**-21.6%**
Tài sản ngắn hạn	426	1,905	-77.6%
Tiền và tương đương tiền	38.7	20.2	91.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	266	1,779	-85.1%
Phải thu ngắn hạn	120	88.8	35.6%
Hàng tồn kho	1.25	0.79	58.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	15.7	-100%
Tài sản dài hạn	**5,342**	**5,452**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.2	26.1	-11.3%
Bất động sản đầu tư	275	300	-8.3%
Tài sản dở dang	60.6	25.4	139%
Đầu tư tài chính dài hạn	582	583	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**4,401**	**4,518**	**-2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,510	6,246	-27.8%
Nợ ngắn hạn	**602**	**2,866**	**-79.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	2,530	-94.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.15	2.64	-18.4%
Nợ dài hạn	3,908	3,379	15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,258**	**1,111**	**13.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,258**	**1,111**	**13.2%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)